

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04 - 33
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	07 - 08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 33

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 20 tháng 04 năm 2016 với tổng số vốn điều lệ là 3.299.945.720.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Vũ Trọng Long	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

---

**Đỗ Hữu Hạ**

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 07 năm 2016

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/04/2016 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.503.147.865.421</b>	<b>999.347.375.318</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	205.781.165.025	196.866.745.489
111	1. Tiền		57.781.165.025	48.866.745.489
112	2. Các khoản tương đương tiền		148.000.000.000	148.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	83.175.000.000	83.175.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		83.175.000.000	83.175.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		536.447.552.440	59.722.817.753
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	13.452.720.886	37.759.334.605
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		517.539.850.384	19.722.386.071
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	5.454.981.170	2.241.097.077
140	IV. Hàng tồn kho	07	665.854.605.754	654.084.103.836
141	1. Hàng tồn kho		666.777.285.754	655.006.783.836
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(922.680.000)	(922.680.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.889.542.202	5.498.708.240
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	555.290.396	613.684.333
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.598.875.652	4.881.960.907
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	735.376.154	3.063.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.602.269.116.124</b>	<b>998.117.336.790</b>
220	II. Tài sản cố định		468.562.671.724	470.522.839.840
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	220.104.036.012	222.014.495.046
222	- Nguyên giá		259.694.358.955	259.694.358.955
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.590.322.943)	(37.679.863.909)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	248.458.635.712	248.508.344.794
228	- Nguyên giá		251.329.385.890	251.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.870.750.178)	(2.821.041.096)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	75.434.092.704	75.852.586.326
231	- Nguyên giá		76.269.931.274	76.269.931.274
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(835.838.570)	(417.344.948)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	08	32.406.022.221	28.392.190.869
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		32.406.022.221	28.392.190.869
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	2.025.650.092.392	423.133.482.672
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.025.650.092.392	423.133.482.672
260	VI. Tài sản dài hạn khác		216.237.083	216.237.083
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		216.237.083	216.237.083
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.105.416.981.545</b>	<b>1.997.464.712.108</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>204.418.420.604</b>	<b>365.768.330.772</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>201.199.815.680</b>	<b>361.049.725.848</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	54.675.019.265	59.073.448.906
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		9.537.470.401	106.661.265.949
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.981.185.902	77.847.994.070
314	4. Phải trả người lao động		20.106.406	15.217.517
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	61.888.356.286	66.105.748.263
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		34.664.551.995	23.501.619.441
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	29.259.539.362	23.587.975.639
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	2.035.990.000	4.118.860.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.218.604.924</b>	<b>4.718.604.924</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	3.218.604.924	3.218.604.924
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	-	1.500.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.900.998.560.941</b>	<b>1.631.696.381.336</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>3.900.998.560.941</b>	<b>1.631.696.381.336</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.299.945.720.000	1.200.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		3.299.945.720.000	1.200.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		601.021.690.638	412.066.900.640
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		412.066.900.640	379.354.358.945
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		188.954.789.998	32.712.541.695
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		31.150.303	19.629.480.696
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.105.416.981.545</b>	<b>1.997.464.712.108</b>

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 26 tháng 07 năm 2016



Đỗ Hữu Hạ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	130.416.040.199	296.366.619.583
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.416.040.199	296.366.619.583
11	4. Giá vốn hàng bán	21	108.999.987.062	208.977.505.875
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.416.053.137	87.389.113.708
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	4.130.409.947	1.887.295.854
22	7. Chi phí tài chính		-	2.376.222.779
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		167.114.258.533	261.003.437
25	9. Chi phí bán hàng	23	1.273.552.627	177.886.657
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	4.747.509.374	2.307.894.688
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		186.639.659.616	84.675.408.875
31	12. Thu nhập khác		51.475.757	147.418
32	13. Chi phí khác		63.000	-
40	14. Lợi nhuận khác		51.412.757	147.418
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		186.691.072.373	84.675.556.293
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.915.362.768	18.571.201.628
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		182.775.709.605	66.104.354.665
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		182.613.282.545	63.763.204.730
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	18	162.427.060	2.341.149.935
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	607	585

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 26 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		186.691.072.373	84.675.556.293
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(168.866.006.742)	629.648.812
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.378.661.738	797.666.244
03	- Các khoản dự phòng		-	1.971.988.779
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(171.244.668.480)	(2.140.006.211)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.825.065.631	85.305.205.105
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(483.173.962.586)	176.768.588.926
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(11.770.501.918)	184.049.766.708
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(86.706.756.352)	(436.581.347.692)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		58.393.937	3.994.162.461
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(74.975.646.584)	(1.637.229.898)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(638.743.407.872)	11.899.145.610
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.013.831.352)	(54.892.762.571)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.000.000.000)	(185.800.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000.000	160.400.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.448.812.001.187)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.130.409.947	1.879.002.774
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.448.695.422.592)	(78.413.759.797)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.099.945.720.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.450.000.000	44.300.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(5.032.870.000)	(29.310.506.579)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.600.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.096.353.250.000	14.989.493.421



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8.914.419.536	(51.525.120.766)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		196.866.745.489	437.239.586.102
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>205.781.165.025</u>	<u>385.714.465.336</u>

Hải Phòng, ngày 26 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 20 tháng 04 năm 2016 với tổng số vốn điều lệ là 3.299.945.720.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.299.945.720.000 đồng; Tương đương 329.994.572 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản và phương tiện vận tải.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng sắt;
- Vận tải quặng sắt;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Chi tiết: Khai thác quặng bôxít; Khai thác quặng đồng, chì, niken;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;



Hoạt động chính của Công ty (tiếp):

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Đúc sắt, thép;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất; Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản);
- Đúc kim loại màu (trừ đúc vàng);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Chi tiết: bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi;
- Hoạt động cấp tín dụng khác; Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 08/2016/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2016 về việc thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị Quyết ĐHCĐ bất thường số 02/2016/NQ-ĐHCĐ ngày 30/03/2016, theo đó, số lượng cổ phiếu được cổ đông hiện hữu đăng ký mua và được phát hành thực tế là: 209.994.572 cổ phiếu, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu. Vốn điều lệ Công ty tăng từ 1.200.000.000.000 đồng lên 3.299.945.720.000 đồng.
- Ngày 19 tháng 04 năm 2016, Công ty đã có Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 8a/NQ-HĐQT về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu và góp vốn thành lập Các Công ty gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang, Công ty Phát triển Thương mại Việt Dũng. Theo đó, Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ khi góp bổ sung vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà tăng từ 42,50% lên 48,00%; Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ khi góp vốn bổ sung tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu từ 44,44% lên 47,50%; Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang là: 45,00% và Quyền biểu quyết và quyền sở hữu Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng là 46,5%.
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 08b/2016/NQ-HĐQT ngày 19/4/2016 về việc góp vốn cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt lên 1.000 tỷ và Nghị quyết số 08d/2016/NQ-HĐQT ngày 20/05/2016 về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt. Theo đó, tới nay, tổng số cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ là 99.997.000 cổ phần, tương ứng 99,997% tổng số vốn điều lệ trong Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt.
- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 8c/2016/NQ-HĐQT ngày 10/05/2016 về việc mua và nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS). Tới nay số cổ phần Công ty đã mua và nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) là 67.420.772 cổ phiếu, tương ứng 24,54%.

**Cấu trúc Công ty**

**- Tổng số các Công ty con:**

- + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 Công ty
- + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: Không có.

**- Thông tin về tái cấu trúc Công ty**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 08b/2016/NQ-HĐQT ngày 19/4/2016 về việc góp vốn cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương Mại Hưng Việt lên 1.000 tỷ và Nghị quyết số 08d/2016/NQ-HĐQT ngày 20/05/2016 về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt. Theo đó, tới nay, tổng số cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ là 99.997.000 cổ phần, tương ứng 99,997% tổng số vốn điều lệ trong Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt.

**- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	99,997%	99,997%	Đầu tư bất động sản

**- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	47,50%	47,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Số 212 Tô Hiệu, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Hải Phòng	45,00%	45,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản, vận tải ...
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Số 324 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, Hải Phòng	46,50%	46,50%	Buôn bán ô tô và động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, x máy, bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Số 116, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	24,54%	24,54%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan



Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	23,86%	23,86%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc ngày 31/03 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### 2.4. Đầu tư vào Công ty Liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

## 2.5. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng năm không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).



## 2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	44 năm
--------------------------	--------

## 2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.14. Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

## 2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## 2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 2.18. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **2.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### **2.21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/04/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.186.003.322	788.858.393
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56.595.161.703	48.077.887.096
Các khoản tương đương tiền (*)	148.000.000.000	148.000.000.000
	<b>205.781.165.025</b>	<b>196.866.745.489</b>

(\*) Tại thời điểm 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 - 3 tháng có giá trị 148.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất là: 5,3%/ năm.

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/04/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	83.175.000.000	83.175.000.000	83.175.000.000	83.175.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	83.175.000.000	83.175.000.000	83.175.000.000	83.175.000.000
	<b>83.175.000.000</b>	<b>83.175.000.000</b>	<b>83.175.000.000</b>	<b>83.175.000.000</b>

(\*) Tại thời điểm 30/06/2016, khoản Đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng. Theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số: 33175.30012016/HĐTG/TPB-PHG ngày 30/01/2016 và hợp đồng số: 50.30012016/HĐTG/TPB-PHG ngày 30/01/2016 thì lãi suất tiền gửi có kỳ hạn là 6,2%/ năm.



b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	30/06/2016			01/04/2016		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết							
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Tp Hải Phòng	47,50%	47,50%	266.521.185.211	44,44%	44,44%	80.482.078.115
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Tp Hải Phòng	48,00%	48,00%	313.617.216.142	42,50%	42,50%	137.424.262.208
- Công ty CP Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Tp Hải Phòng	48,00%	48,00%	134.407.428.368	48,00%	48,00%	134.397.597.062
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Tp Hồ Chí Minh	31,82%	31,82%	71.068.424.901	31,82%	31,82%	70.829.545.287
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Tp Hải Phòng	45,00%	45,00%	252.001.089.400	0,00%	0,00%	-
- Công ty CP Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Tp Hải Phòng	46,50%	46,50%	223.202.336.546	0,00%	0,00%	-
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Tp Hải Phòng	24,54%	24,54%	764.832.411.824	0,00%	0,00%	-
				<b>2.025.650.092.392</b>			<b>423.133.482.672</b>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh 30.



## 5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/04/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Nam Ninh	695.000.000	-
- Công ty TNHH Ô tô Hồng Sơn Star Đà Nẵng	-	630.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Quốc Tú	1.800.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Ô tô Trung Việt	-	429.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Nhà Golden Land	2.375.800.342	1.268.454.821
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	-	2.580.000.000
- Navistar, Inc	1.040.205.000	1.040.205.000
- Công ty TNHH Thương mại và Vật tư Tân Ngọc Việt	-	4.200.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vật tư Đức Vinh	-	1.848.000.000
- Đỗ Minh Thăng/Lưu Hải Vân	-	1.557.587.233
- Vương Quốc Minh	-	2.051.526.702
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.541.715.544	22.154.560.849
	<b>13.452.720.886</b>	<b>37.759.334.605</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	13.452.720.886	37.759.334.605
	<b>13.452.720.886</b>	<b>37.759.334.605</b>
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	-	<b>351.999.999</b>

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016		01/04/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Dự thu lãi tiền gửi	4.025.575.052	-	892.938.473	-
- Phải thu Công ty Quản lý tòa nhà Golden Land về khoản cho mượn tiền	321.715.746	-	430.000.000	-
- Tạm ứng cho người lao động	944.241.917	-	753.913.227	-
- Phải thu tiền tạm ứng người lao động đã nghỉ việc	141.450.500	-	141.450.500	-
- Phải thu khác	21.997.955	-	22.794.877	-
	<b>5.454.981.170</b>	<b>-</b>	<b>2.241.097.077</b>	<b>-</b>

## 7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/04/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	3.268.763.210	-	1.852.248.545	-
- Công cụ, dụng cụ	238.670.506	-	12.700.913	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	528.105.896.404	-	549.268.006.294	-
- Thành phẩm	2.345.737.197	-	73.371.723.771	-
- Hàng hóa	131.346.991.076	(922.680.000)	26.437.403.803	(922.680.000)
- Hàng gửi bán	1.471.227.361	-	4.064.700.510	-
	<b>666.777.285.754</b>	<b>(922.680.000)</b>	<b>655.006.783.836</b>	<b>(922.680.000)</b>

(\*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp</i>	<i>528.105.896.404</i>	<i>549.268.006.294</i>
Công trình tòa nhà N01	392.981.679.027	415.078.526.826
Công trình tòa nhà N02	23.080.459.061	23.080.459.061
Công trình Trung tâm thương mại	112.043.758.316	111.109.020.407
	<b>528.105.896.404</b>	<b>549.268.006.294</b>

## 8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2016		01/04/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
+ Công trình Tòa nhà 183 Bà Triệu, Hà Nội	32.406.022.221	32.406.022.221	28.392.190.869	28.392.190.869
	<b>32.406.022.221</b>	<b>32.406.022.221</b>	<b>28.392.190.869</b>	<b>28.392.190.869</b>

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	247.981.568.170	2.015.589.550	8.663.227.727	958.064.008	75.909.500	259.694.358.955
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>247.981.568.170</b>	<b>2.015.589.550</b>	<b>8.663.227.727</b>	<b>958.064.008</b>	<b>75.909.500</b>	<b>259.694.358.955</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>						
Số dư đầu năm	30.006.244.950	1.924.717.609	5.077.182.750	665.392.808	6.325.792	37.679.863.909
Số tăng trong kỳ	1.626.694.947	9.492.495	234.901.086	29.881.818	9.488.688	1.910.459.034
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>1.626.694.947</i>	<i>9.492.495</i>	<i>234.901.086</i>	<i>29.881.818</i>	<i>9.488.688</i>	<i>1.910.459.034</i>
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>31.632.939.897</b>	<b>1.934.210.104</b>	<b>5.312.083.836</b>	<b>695.274.626</b>	<b>15.814.480</b>	<b>39.590.322.943</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	217.975.323.220	90.871.941	3.586.044.977	292.671.200	69.583.708	222.014.495.046
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>216.348.628.273</b>	<b>81.379.446</b>	<b>3.351.143.891</b>	<b>262.789.382</b>	<b>60.095.020</b>	<b>220.104.036.012</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.144.839.878 đồng

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	251.217.489.700	111.896.190	251.329.385.890
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>251.217.489.700</b>	<b>111.896.190</b>	<b>251.329.385.890</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.709.144.906	111.896.190	2.821.041.096
- Khấu hao trong kỳ	49.709.082	-	49.709.082
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.758.853.988</b>	<b>111.896.190</b>	<b>2.870.750.178</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	248.508.344.794	-	248.508.344.794
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>248.458.635.712</b>	<b>-</b>	<b>248.458.635.712</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng

## 11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là Khu Trung tâm Thương mại cho thuê tại Chung cư Golden Land, tại số 275 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tại ngày 30/06/2016, Tài sản có Nguyên giá và Khấu hao lũy kế lần lượt là 76.269.931.274 đồng và 835.838.570 đồng.

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	555.290.396	547.017.669
- Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	-	66.666.664
	<b>555.290.396</b>	<b>613.684.333</b>



13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/04/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn	4.118.860.000	4.118.860.000	1.450.000.000	3.532.870.000	2.035.990.000	2.035.990.000
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng (*)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Bà Vũ Thị Huệ (*)	1.035.990.000	1.035.990.000	-	-	1.035.990.000	1.035.990.000
+ Ông Nguyễn Đăng Đức	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-
+ Vay cá nhân khác	582.870.000	582.870.000	1.450.000.000	2.032.870.000	-	-
	<b>4.118.860.000</b>	<b>4.118.860.000</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>3.532.870.000</b>	<b>2.035.990.000</b>	<b>2.035.990.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-
+ Ông Nguyễn Đăng Đức <sup>(3)</sup>	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-
	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>			<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Phản ánh khoản vay một số cá nhân để thực hiện dự án Golden Land Building; Lãi suất cho vay từ 0-2%/năm. Một số trường hợp, cá nhân cho vay có quyền thực hiện mua căn hộ tại dự án, khi đó lãi suất áp dụng là 0%.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2016		01/04/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Navistar, Inc	-	-	641.357.676	641.357.676
- Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	22.697.827.651	22.697.827.651	22.697.827.651	22.697.827.651
- Công ty Cổ phần Hawee Cơ điện	22.933.636.004	22.933.636.004	22.933.636.004	22.933.636.004
- Công ty Xây dựng Số 1 Hà Nội	-	-	-	-
- Công ty TNHH Việt Hà	-	-	-	-
- Công ty TNHH Bình Khánh	-	-	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn Giám sát và Xây dựng La Thành Đô	545.537.545	545.537.545	545.537.545	545.537.545
- Phải trả các đối tượng khác	8.498.018.065	8.498.018.065	12.255.090.030	12.255.090.030
	<b>54.675.019.265</b>	<b>54.675.019.265</b>	<b>59.073.448.906</b>	<b>59.073.448.906</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
- Phải trả người bán ngắn hạn	54.675.019.265	54.675.019.265	59.073.448.906	59.073.448.906
- Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	<b>54.675.019.265</b>	<b>54.675.019.265</b>	<b>59.073.448.906</b>	<b>59.073.448.906</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	63.000	-	6.593.424.221	4.379.239.146	-	2.214.248.075
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	77.817.930.364	3.915.362.768	74.975.646.584	-	6.757.646.548
- Thuế thu nhập cá nhân	-	30.063.706	166.235.493	192.300.681	5.292.761	9.291.279
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	730.083.393	730.083.393	-
- Các loại thuế khác	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-
	<b>3.063.000</b>	<b>77.847.994.070</b>	<b>10.678.022.482</b>	<b>80.277.269.804</b>	<b>735.376.154</b>	<b>8.981.185.902</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Chi phí công trình đã ký hợp đồng và đang thực hiện	61.888.356.286	66.105.748.263
	<b>61.888.356.286</b>	<b>66.105.748.263</b>

## 17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/04/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	707.067.000	840.000.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	28.552.472.362	22.747.975.639
+ <i>Phải trả Ban quản lý Chung cư Golden Land tiền phí bảo trì thu hộ</i>	28.511.682.755	22.663.394.680
+ <i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	40.789.607	84.580.959
	<b>29.259.539.362</b>	<b>23.587.975.639</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.218.604.924	3.218.604.924
	<b>3.218.604.924</b>	<b>3.218.604.924</b>

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>1.089.897.350.000</b>	<b>233.834.328.323</b>	<b>97.608.607.153</b>	<b>1.421.340.285.476</b>
Lãi trong kỳ trước	-	63.763.204.730	2.341.149.935	66.104.354.665
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>1.089.897.350.000</b>	<b>297.597.533.054</b>	<b>99.949.757.087</b>	<b>1.487.444.640.141</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>1.200.000.000.000</b>	<b>412.066.900.640</b>	<b>19.629.480.696</b>	<b>1.631.696.381.336</b>
Tăng vốn trong kỳ này	2.099.945.720.000	-	-	2.099.945.720.000
Lãi trong kỳ này	-	182.613.282.545	162.427.060	182.775.709.605
Điều chỉnh tỷ lệ kiểm soát giữa Công ty mẹ và Cổ đông không kiểm soát (*)	-	6.341.507.453	(19.751.157.453)	(13.409.650.000)
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	(9.600.000)	(9.600.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>3.299.945.720.000</b>	<b>601.021.690.638</b>	<b>31.150.303</b>	<b>3.900.998.560.941</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (Công ty mẹ) đầu tư thêm 640 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt (Công ty con), tương đương 64.000.000 Cổ phần tính theo mệnh giá, đồng thời mua lại 997.000 Cổ phần tại Công ty con từ Cổ đông khác với giá 13.450 đồng/Cổ phần. Theo đó, tỷ lệ vốn góp và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty con tăng từ 97,22% lên 99,997%; tỷ lệ vốn góp và quyền biểu quyết của Cổ đông không kiểm soát tại Công ty con giảm từ 2,78% xuống còn 0,003%.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	1.373.487.500.000	41,62%	600.000.000.000	50,00%
Ông Đỗ Hữu Hậu	165.000.000.000	5,00%	60.000.000.000	5,00%
Cổ đông khác	1.761.458.220.000	53,38%	540.000.000.000	45,00%
	<b>3.299.945.720.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.200.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**c) Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/04/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	329.994.572	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	329.994.572	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	329.994.572	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	329.994.572	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	329.994.572	120.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	30/06/2016	01/04/2016
Đô la Mỹ	USD	1.506,03	1.506,59
Euro	EUR	8,95	8,95

**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.181.859.250	108.601.773.893
Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô	-	660.000.000
Doanh thu bán thùng xe tải	9.390.000.000	18.588.000.000
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	69.369.090.921	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	39.805.998.828	166.455.964.478
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.669.091.200	2.060.881.212
	<b>130.416.040.199</b>	<b>296.366.619.583</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	101.401.318.182	18.953.765.582

## 21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa	4.646.411.796	72.753.394.279
Giá vốn của thành phẩm xưởng ô tô đã bán	-	642.058.765
Giá vốn của thùng xe tải đã bán	7.695.789.807	16.465.110.857
Giá vốn của oto đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện thu hồi	69.923.292.493	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản	25.601.791.783	117.838.409.147
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.132.701.183	1.278.532.827
	<b>108.999.987.062</b>	<b>208.977.505.875</b>

## 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	4.130.409.947	1.494.268.767
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	393.027.087
	<b>4.130.409.947</b>	<b>1.887.295.854</b>

## 23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	453.019.056	41.267.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	820.533.571	136.619.137
	<b>1.273.552.627</b>	<b>177.886.657</b>

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	1.330.603.494	747.124.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.815.135.651	847.958.682
Thuế, phí, và lệ phí	415.724.639	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	886.119.590	712.811.732
Chi phí khác bằng tiền	299.926.000	-
	<b>4.747.509.374</b>	<b>2.307.894.688</b>



## 25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy - Công ty mẹ	994.829.868	8.006.012.180
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt - Công ty con	2.920.532.900	10.565.189.448
	<b>3.915.362.768</b>	<b>18.571.201.628</b>

## 26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	182.613.282.545	63.763.204.730
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	182.613.282.545	63.763.204.730
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	301.051.381	108.989.735
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>607</b>	<b>585</b>

## 27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của công ty

Giá trị số kế toán

	Giá gốc		Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	205.781.165.025	-	196.866.745.489	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.907.702.056	-	40.000.431.682	-
Các khoản cho vay	83.175.000.000	-	83.175.000.000	-
	<b>307.863.867.081</b>	<b>-</b>	<b>320.042.177.171</b>	<b>-</b>
			Giá trị số kế toán	
			30/06/2016	01/04/2016
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			VND	VND
Vay và nợ			2.035.990.000	5.618.860.000
Phải trả người bán, phải trả khác			87.153.163.551	85.880.029.469
Chi phí phải trả			61.888.356.286	66.105.748.263
			<b>151.077.509.837</b>	<b>157.604.637.732</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	205.781.165.025	-	-	205.781.165.025
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.907.702.056	-	-	18.907.702.056
Các khoản cho vay	83.175.000.000	-	-	83.175.000.000
	<b>307.863.867.081</b>	-	-	<b>307.863.867.081</b>
<b>Tại ngày 01/04/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	196.866.745.489	-	-	196.866.745.489
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.000.431.682	-	-	40.000.431.682
	<b>236.867.177.171</b>	-	-	<b>236.867.177.171</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	2.035.990.000	-	-	2.035.990.000
Phải trả người bán, phải trả khác	83.934.558.627	3.218.604.924	-	87.153.163.551
Chi phí phải trả	61.888.356.286	-	-	61.888.356.286
	<b>147.858.904.913</b>	<b>3.218.604.924</b>	<b>-</b>	<b>151.077.509.837</b>
<b>Tại ngày 01/04/2016</b>				
Vay và nợ	4.118.860.000	1.500.000.000	-	5.618.860.000
Phải trả người bán, phải trả khác	82.661.424.545	3.218.604.924	-	85.880.029.469
Chi phí phải trả	66.105.748.263	-	-	66.105.748.263
	<b>152.886.032.808</b>	<b>4.718.604.924</b>	<b>-</b>	<b>157.604.637.732</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	1.450.000.000	44.300.000.000

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	(5.032.870.000)	(29.310.506.579)

**29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.



### 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 13)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HDQT	8.476.818.182	18.893.765.582
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HDQT	92.860.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	4.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	30.000.000	30.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Mối quan hệ	30/06/2016 VND	01/04/2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HDQT	-	351.999.999
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HDQT	-	101.172.000.000

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 26 tháng 07 năm 2016



Đỗ Hữu Hạ